

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng áp phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 33/2024/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây.

Người yêu cầu:

1. Chị Lê Thị L, sinh năm 1993

2. Anh Lê Văn T, sinh năm 1989

Đều nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được; anh, chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con: Anh, chị có một con chung là cháu Lê Khang N, sinh ngày 21/10/2022

Anh, chị thống nhất: Giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N một tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Anh, chị thỏa thuận chị L chịu toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07/8/2024, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Lê Văn T thuận tình ly hôn.
- Về con: Chị L và anh T có một con chung là cháu Lê Khang Nguyễn s ngày 21/10/2022.

Anh, chị thỏa thuận: Giao cháu N cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, Chị L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu N một tháng 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2024 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ: Anh, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh, chị thỏa thuận chị L nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số BLTU/23/0002009 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Sơn (chị L đã nộp đủ tiền lệ phí).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND huyện Đông Sơn;
- Chi cục THADS huyện Đông Sơn;
- UBND xã Đông Minh, huyện Đông Sơn (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Cao Văn Tuấn